

Số: /BC- TTYT

Trà Cú, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 7 NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH THÁNG 8 NĂM 2022**

A. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 7 NĂM 2022

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Trọng tâm là công tác phòng, chống dịch bệnh:
 - Chỉ đạo các khoa, phòng, trạm y tế thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh, trọng tâm là dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, Covid-19.
 - Chỉ đạo khoa, phòng, trạm y tế tổ chức phối hợp với Đài Truyền thanh các xã, thị trấn, Đài Truyền thanh huyện tổ chức phát tin bài phòng, chống bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19, truyền thông rộng rãi việc phòng, chống bệnh đậu mùa khỉ.
 - Chỉ đạo triển khai công tác tiêm vắc xin phòng Covid – 19 đợt 51,52.
 - Triển khai công tác giám sát bệnh Đậu mùa khỉ trên địa bàn huyện.
2. Dự Chương trình bồi dưỡng kiến thức tài chính, tài sản cho đơn vị sự nghiệp, y tế công lập năm 2022 tại Đà Nẵng từ ngày 09 – 12/7/2022.
3. Tổ chức công tác đấu thầu để cung ứng thuốc, VTYT, hóa chất, sinh phẩm, TTBYT, vật tư tiêu hao khác để phục vụ công tác KB – CB, chương trình mục tiêu y tế, phòng chống dịch bệnh.
4. Tổ chức lớp đào tạo Quản lý chất lượng-An toàn người bệnh tại TTYT ngày 05-06/7/2022 do Bệnh viện Hoàn Mỹ Cửu Long tài trợ với 59 CBVC tham dự.
5. Tổ chức cho 30 viên chức tham gia tập huấn Bảng điểm chất lượng dịch vụ tại 10 trạm y tế tại Sở Y tế tỉnh Trà Vinh.
6. Chỉ đạo công tác bổ nhiệm, tái bổ nhiệm các lãnh đạo khoa, phòng, trạm y tế thuộc TTYT.
7. Tổ chức bình 02 bệnh án, 07 đơn thuốc ngày 01/7/2022.
8. Tiếp đoàn phúc tra Sở Y tế về việc thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2021 tại 16 xã, thị trấn bắt đầu từ ngày 29/7/2022.
9. Chỉ đạo công tác bàn giao của phòng TC-KT, bàn giao khoa XN-CĐHA cho 02 khoa (khoa XN và khoa CĐHA).
10. Chỉ đạo các khoa, phòng biên soạn quy trình thủ tục hành chính có liên quan đến tiếp đón, hướng dẫn người bệnh, người nhà người bệnh, khách đến quan hệ công tác để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt ban hành.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Công tác phòng, chống dịch bệnh:

1.1. Công tác phòng, chống dịch Covid - 19:

1.1.1. Tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn:

- Trong tháng phát hiện 01 trường hợp là công nhân Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải dương tính với SARS-CoV-2, cư ngụ tại ấp Chợ xã Tập Sơn. Truy vết không có trường hợp F1 tiếp xúc gần tại địa phương.

- Từ ngày 20/6/2021 đến thời điểm hiện tại có 9.824 trường hợp F0 (thuộc địa bàn huyện 9.790, địa phương khác 34).

- Tính đến ngày 31/7/2022 còn 01 trường hợp F0 được cách ly điều trị theo dõi tại nhà ngày thứ 03, sức khỏe bình thường.

1.1.2. Công tác tiêm ngừa vắc xin phòng Covid-19:

- Trong tháng triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 đợt 51, 52 được 12.587 mũi tiêm, trong đó mũi 1 là 1.069, mũi 2 là 2.510, mũi 3 là 7.342, mũi 4 là 1.666 cho các đối tượng từ 05 đến 11 tuổi chưa tiêm mũi 1 và mũi 2; Tiêm mũi nhắc lại mũi 3 cho tất cả các đối tượng từ 12 tuổi trở lên; Tiêm vét cho tất cả các đối tượng từ 12 tuổi trở lên chưa tiêm mũi 1 và mũi 2, mở rộng đối tượng từ 18 tuổi trở lên để tiêm mũi nhắc lại lần 2.

- Tổng số các đợt được triển khai là 52 đợt với tổng số mũi tiêm là 345.002, trong đó¹.

1.2. Tình hình bệnh sốt xuất huyết (SXH):

- Mắc mới 23 ca (SXH-D 16, SXH-D có DHCB 03, số SXH-D 04), tăng 09 ca so với tháng 6/2022, tăng 17 ca so với cùng kỳ tháng 7/2021.

- Cộng dồn 50 ca; tăng 18 ca so với cùng kỳ 2021.

- Phát hiện 08 ổ dịch mới (Định An 01, Hàm Giang 01, Phước Hưng 01, Ngãi Xuyên 01, Định An 01, Đại An 01, Tập Sơn 02), tăng 01 ổ dịch so với tháng 6/2022, tăng 08 ổ dịch so với cùng kỳ tháng 7/ 2021.

- Cộng dồn: 19 ổ dịch, tăng 15 ổ dịch so với cùng kỳ năm 2021.

1.3. Bệnh tay chân miệng, bệnh sởi:

- Mắc mới 09 ca, giảm 12 ca so với tháng trước, cộng dồn 31 ca, giảm 36 ca so với cùng kỳ năm 2021. Chưa phát hiện ổ dịch mới.

- Bệnh sốt phát ban nghi sởi: không ca mắc mới.

2. Thực hiện các chương trình y tế:

2.1. Phòng chống bệnh phong (xem chi tiết phụ lục 3):

Không có ca mắc mới, tổng số bệnh phong được quản lý 08 người, tổng số bệnh nhân được chăm sóc tàn tật 08 người.

2.2. Hoạt động phòng chống bệnh lây truyền qua đường tình dục (xem chi tiết phụ lục 4): số khám STI 81 lượt, cộng dồn 452 lượt, đạt 45,2% chỉ tiêu.

2.3. Phòng, chống bệnh lao (xem chi tiết phụ lục 5): tổng số khám lao 135 lượt, cộng dồn 818 lượt, đạt 97,7% chỉ tiêu.

2.4. Bảo vệ sức khỏe tâm thần và động kinh (xem chi tiết phụ lục 6):

- Khám tầm soát 02 lượt, cộng dồn 14 lượt, so với chỉ tiêu đạt 77,8%.

¹ Mũi 1: 124.524, mũi 2: 119.540, mũi 3: 89.776, mũi 4: 11.162. Tỷ lệ độ bao phủ mũi 1: 88,9%, độ bao phủ mũi 2: 85,4%, độ bao phủ mũi 3: 64,1%, độ bao phủ mũi 4: 8%. So với tháng trước tỷ lệ độ bao phủ mũi I tăng 0,7%, độ bao phủ mũi II tăng 1,8%, độ bao phủ mũi III tăng 5,2%, độ bao phủ mũi 4 tăng 1,2%.

- Tổng số BN quản lý điều trị 261 bệnh nhân.

2.5. Hoạt động tiêm chủng mở rộng (xem chi tiết phụ lục 7,14):

- Trẻ < 1 tuổi tiêm đủ liều 173 trẻ, cộng dồn 1.112 trẻ, so chỉ tiêu đạt 51,6%.
- VGB sơ sinh 93 trẻ, cộng dồn 843 trẻ, so chỉ tiêu đạt 39,1%.
- VAT PNCT 2+ 164 người, cộng dồn 1.118 người, so chỉ tiêu đạt 51,9%.

- Viêm não Nhật Bản:

- + Mũi 2: 166 trẻ, cộng dồn 1.191 trẻ, so chỉ tiêu đạt 55,4%.
- + Mũi 3: 163 trẻ, cộng dồn 1.195 trẻ, so với chỉ tiêu đạt 54%.
- Tiêm Sởi – Rubella: 178 trẻ, cộng dồn 1.352 trẻ, so với chỉ tiêu đạt 69,9%.
- Tiêm vắc xin DPT4: 43 trẻ, cộng dồn 1.032 trẻ, so với chỉ tiêu đạt 53,3%.

2.6. Công tác CSSKSS-DS KHHGD (xem chi tiết phụ lục 8,15):

- Khám thai 507 lượt, khám phụ khoa 1.148 lượt, điều trị phụ khoa 541 lượt.
- Tổ chức Hội nghị CSSK người cao tuổi, có 80 đại biểu tham dự.
- Phối hợp Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh tổ chức lớp tập huấn về công tác CSSK người cao tuổi cho tình nguyện viên, có 135 người tham dự; cho nhân viên y tế ấp khóm, có 107 người tham dự.

- Trình UBND huyện dự thảo kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn huyện theo Quyết định số 1153/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

2.7. Chương trình phòng, chống SDD (xem chi tiết phụ lục 9):

- Tổng số trẻ < 2 tuổi được quản lý 4.002 trẻ, trong đó SDD là 151 trẻ.
- Tổng số trẻ < 5 tuổi được quản lý 10.493, trong đó SDD là 624 trẻ.
- Tỷ lệ SDD cân nặng/tuổi: 3,68%, tỷ lệ SDD chiều cao/tuổi 4,3%, số trẻ <5 tuổi thoát khỏi SDD 15 trẻ, số trẻ thừa cân béo phì 41 trẻ.
- Báo cáo việc cấp phát viên đa vi chất cho bà mẹ mang thai và bà mẹ sau sinh 01 tháng².

2.8. Phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS (xem chi tiết phụ lục 10): nhiễm HIV mới 00 ca, lũy tích 308 ca; nhiễm AIDS mới 00 ca, lũy tích 193 ca, đang quản lý 87 ca, điều trị ARV 87 ca.

2.9. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe:

- Phòng Điều dưỡng: truyền thông GDSK tại các khoa được 21 lượt có 291 người dự với nội dung tư vấn về cách chăm sóc, theo dõi bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, thủy đậu, tiêu chảy, cách chăm sóc người bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường, suy tim, cách nuôi con bằng sữa mẹ,...

- CSSKSS - DS KHHGD: phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức phát thanh tuyên truyền nội dung về CSSKSS được 20 cuộc ước khoảng 282 người nghe tại các trạm y tế.

² Kết quả việc cấp phát viên đa vi chất:

- 16 trạm y tế thực hiện việc cấp phát viên đa vi chất dinh dưỡng cho đối tượng là phụ nữ mang thai và bà mẹ sau sinh.

- Khảo sát thăm 32 hộ gia đình có phụ nữ mang thai sử dụng viên đa vi chất đều tăng cân tốt, ăn uống được nhiều hơn bình thường và không có tác dụng phụ.

- Tuy nhiên cũng có một số ít trường hợp khi uống thuốc bị nóng. Đối với trường hợp này trạm y tế hướng dẫn uống nhiều nước, ăn nhiều trái cây, rau xanh.

3. Công tác YTCC - DD và ATTP:

3.1. Hoạt động sức khỏe môi trường, ATTP:

- Thực hiện các chuyên đề báo cáo gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh:
 - + Công tác Y tế lao động, thống kê tai nạn thương tích tại đơn vị và các xã, thị trấn 6 tháng đầu năm 2022, kết quả tổng số trường hợp 544, trong đó TNGT 239, TNLĐ 45, đuối nước 01, khác 259.
 - + Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch, hồ xí hợp vệ sinh 6 tháng đầu năm 2022, kết quả tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh 99,86%, nước sạch 63,93%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng hồ xí hợp vệ sinh 88,93%.
 - + Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch quý II, kết quả đạt 100% đối với các thông số nhóm A theo QCVN-01:1/2018/BYT; chưa thực hiện lấy mẫu nội kiểm đối với các thông số nhóm B theo QCVN-01:1/2018/BYT (tần suất ít nhất 01 lần/6 tháng).
 - + Công tác triển khai các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường năm 2022.
 - + Công tác Y tế trường học năm học 2021-2022 theo Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGD&ĐT quy định về công tác y tế trường học.
- Phối hợp Chi cục ATVSTP mở lớp tập huấn kiến thức ATTP và cấp giấy chứng nhận cho 47 cơ sở sản xuất và kinh doanh dịch vụ ăn uống.
- Giám sát công tác ATTP của các cơ sở kinh doanh tại 04 điểm thi THPT quốc gia năm 2022. Tổng số cơ sở được kiểm tra, giám sát: 12 cơ sở, kết quả 100% cơ sở được kiểm tra đảm bảo về nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, còn một số yếu tố chưa đảm bảo³, đoàn góp ý và yêu cầu khắc phục.
- Tiếp nhận từ Hội đồng hủy thuốc dược liệu thành phẩm hết hạn với tổng số là 6,78 kg.
- Phối hợp các khoa, phòng, trạm y tế triển khai kế hoạch khám sức khỏe định kỳ năm 2022, tổng số lượt khám sức khỏe nhân viên 303 lượt.
- Giám sát hệ thống xử lý nước thải tại các trạm y tế. Tổng số hệ thống được giám sát 9/9, ghi nhận 5/9 hệ thống bị hỏng. Nguyên nhân là do các trạm y tế chưa thường xuyên kiểm tra hệ thống, không phát hiện kịp thời các sự cố về phòng điện cực cuộn dây, đứt dây điện tạo ozon, ống dẫn ozon bị cháy, hiện tại 5/9 hệ thống đã cho ngưng hoạt động để khắc phục sự cố, đồng thời tổng hợp báo cáo gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

3.2. Hoạt động dinh dưỡng:

- Cung cấp 138 suất ăn bệnh lý cho bệnh nhân nội trú (tăng huyết áp 100, đái tháo đường 32, sản phụ 06), tư vấn dinh dưỡng 204 lượt.
- Định kỳ 01 lần/tuần giám sát bếp ăn từ thiện về công tác ATTP, kết quả đạt.
- Giám sát Căn tin Bệnh viện về công tác ATTP, kết quả đạt.

4. Công tác khám, chữa bệnh và phẫu thuật:

4.1. Công tác khám, chữa bệnh (xem phụ lục 1, 11,12).

- Tổng số khám 17.487 lượt.

³ + Giấy chứng nhận sức khỏe: 06/12 cơ sở chưa khám sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe đã hết hạn.

+ Điều kiện vệ sinh cơ sở chưa đạt: 02/12 cơ sở.

+ Bảo quản thực phẩm: 03/12 còn bảo quản chung giữa thực phẩm sống và thực phẩm chín.

- Tổng số BN điều trị nội trú 1.559, CSSDGB 123,8% (trong đó khoa Nội nhiêm có CSSDGB là 157,3%, khoa Nhi là 138,5%).
- Tổng số BN chuyển tuyến 530 (ngoại trú 421, nội trú 109).
- Kết quả điều trị nội trú: bệnh đỡ/giảm xuất viện 1.419 lượt, chuyển viện nội trú 109 lượt, số ngày điều trị trung bình là 4,9 ngày.
- So với chỉ tiêu: tổng số lượt khám đạt 67,8%; khám YHCT đạt 69,2%; điều trị nội trú đạt 56,9%; điều trị ngoại trú đạt 139,1%; xét nghiệm đạt 60%, X-quang đạt 84,6%; siêu âm đạt 67,6%; đo điện tâm đồ đạt 59,1%, phẫu thuật đạt 63,7%.
- So với tháng 6/2022: tổng số khám tăng 5,3%; điều trị nội trú tăng 11,3%; phẫu thuật tăng 34,6%; xét nghiệm tăng 31,1%; X-quang tăng 8,7%; siêu âm tăng 21,4%; điện tâm đồ tăng 8,1%.
- So với cùng kỳ năm 2021: tổng số khám tăng 33,7%; điều trị nội trú tăng 49,2%; điều trị ngoại trú tăng 207,4%; phẫu thuật tăng 159,1%; xét nghiệm tăng 49,3%; X-quang tăng 147,5%; siêu âm tăng 88,8%; điện tâm đồ tăng 58,7%.

4.2. Công tác phẫu thuật:

- Thực hiện các phẫu thuật được chuyển giao 10 ca (viêm ruột thừa 02, thoát vị bẹn 02, lấy dụng cụ kết hợp xương 04, kết hợp xương 02).
- Phẫu thuật mổ lấy thai được 01 ca, cộng dồn 03 ca.

4.3. Thực hiện kỹ thuật truyền máu được 14 ca với 22 đơn vị máu (A 11 đơn vị, B 09 đơn vị, O 02 đơn vị).

5. Công tác khác:

5.1. Công tác Tổ chức - Hành chính:

- Triển khai đầy đủ các văn bản của Bộ Y tế, Sở Y tế, Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện đến các khoa, phòng, trạm y tế.
- Ban hành 49 QĐ thuộc các lĩnh vực chuyên môn⁴.
- Tổng hợp danh sách rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2021 - 2026 và quy hoạch nhiệm kỳ 2026 - 2031 chức danh Trưởng, Phó khoa, phòng, trạm y tế (đã họp lấy ý kiến cán bộ chủ chốt ngày 12/7/2022).
- Trình Sở Y tế phê duyệt kết quả quy hoạch chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc TTYT nhiệm kỳ 2026 – 2031; việc điều động và bổ nhiệm viên chức; việc hưởng trợ cấp lần đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP đối với 01 viên chức trạm y tế Ngãi Xuyên.
- Báo cáo tình hình viên chức y tế thôi việc từ năm 2020 đến 30/6/2022 gửi Sở Y tế (13 người).
- Báo cáo thống kê đối tượng 1, 2, 3, 4 đã qua và chưa qua bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh theo Công văn số 1813/SYT-TCCBHC của Sở Y tế (đối tượng 3 đã bồi dưỡng: 04 người; đối tượng 4 đã bồi dưỡng: 08 người; chưa bồi dưỡng 95 người).

5.2. Công tác chuyên môn nghiệp vụ:

- Báo cáo Sở Y tế việc rà soát liên thông dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử.
- Lập Tờ trình về việc liên kết BVĐK tỉnh để gửi mẫu xét nghiệm máu trong điều trị viêm gan B.

⁴ Các QĐ gồm QĐ điều động viên chức; hưởng phụ cấp ưu đãi nghề; cử viên chức tham gia khóa đào tạo Quản lý điều dưỡng, Quản lý Bệnh viện; QĐ bổ nhiệm lại; QĐ nghỉ hưu; hưởng trợ cấp lần đầu đối với viên chức.

- Lập kế hoạch đào tạo triển khai 83 tiêu chí chất lượng Bộ Y tế với Công ty TNHH Xã hội – Trung tâm Nghiên cứu cải tiến Y tế (CHIR).
- Lập kế hoạch, đăng ký triển khai áp dụng bảng điểm chất lượng tại 10 trạm y tế gửi Sở Y tế.
- Tổng hợp danh sách đào tạo giao tiếp ứng xử (307 người).
- Phối hợp khoa KSBT báo cáo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh số liệu hoạt động phòng, chống bệnh Tim mạch thuộc Chương trình mục tiêu y tế - DS.
- Báo cáo kết quả cấp cứu TNGT từ năm 2012-2022 thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng theo Công văn số 1913/SYT-NVY của Sở Y tế.
- Phối hợp khoa CSSKSS cung cấp các chỉ số kết quả chủ yếu Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS trên địa bàn huyện theo Công văn số 753/UBND-VX của UBND huyện.
- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn huyện theo Công văn số 721/UBND-TH của UBND huyện.
- Lập Công văn về việc tổ chức chương trình tư vấn sức khỏe tim mạch miễn phí với Công ty TNHH Đại Việt theo Công văn số 1694/SYT-NVY gửi 05 trạm y tế (Đại An, Định An, Hàm Giang, An Quảng Hữu, Tập Sơn).
- Triển khai Công văn số 71/CV-TTYT ngày 29/7/2022 của TTYT huyện Trà Cú về việc thực hiện Công văn số 922/BHXXH-CNTT ngày 26/7/2022 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Trà Vinh về việc đẩy mạnh sử dụng CCCD gắn chip trong KCB BHYT tại các khoa, trạm y tế.

5.3. Công tác Tài chính – Kế toán:

- Đảm bảo công tác thu chi hoạt động thường xuyên của đơn vị.
- Hoàn thành đối chiếu công nợ với các Công ty cung cấp thuốc, VTYT, hóa chất, sinh phẩm đến ngày 26/7/2022.
- Chuẩn bị số liệu bàn giao công tác kế toán, làm thủ tục đăng ký chữ ký với kho bạc, ngân hàng.
- Quyết toán tiền công tiêm vắc xin phòng Covid-19 từ đợt 33-36 (đã gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh); đã kiểm xong chứng từ từ đợt 37-39, còn trạm y tế Phước Hưng chưa gửi hồ sơ của đợt 39.
- Báo cáo chi phí khám bệnh, chữa bệnh Covid-19 từ ngày 03/11/2021 đến 31/5/2022, kinh phí lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định của NVYT tại các cơ sở thu dung điều trị Covid-19 đã chi trả từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị đề nghị ngân sách nhà nước hoàn trả gửi Sở Y tế thẩm định.
- Dự toán ngân sách năm 2023 và lập kế hoạch NSNN 03 năm gửi Sở Y tế.
- Tổng hợp số liệu dự kiến quyết toán chi KCB BHYT năm 2021 và file dữ liệu chi tiết các Cn gửi BHXXH huyện.
- Tình hình ký kết hợp đồng:
 - + Hợp đồng đã trình ký: 98 Công ty trong đó, thầu quốc gia 03, thầu Sở Y tế 43; thầu TTYT 52 (VTYT: 10; thuốc: 42).
 - + Hợp đồng chưa trình ký: 33, trong đó: Hợp đồng sai Công ty đang điều chỉnh 17 (thầu Sở Y tế: 03; thầu TTYT: 14 (thuốc: 13; VTYT: 01)).
 - + Hợp đồng Công ty chưa gửi: 06.

+ Hợp đồng đang kiểm tra: 10 (thuốc: 06; VTYT: 04).

- Hoàn thiện thủ tục thanh toán tiền học phí lớp đào tạo triển khai hiệu quả 83 tiêu chí chất lượng Bộ Y tế và triển khai chương trình đào tạo LEAN – Y tế tinh gọn cho bệnh viện và tập huấn lớp Giao tiếp ứng xử cho các nhân viên y tế với Trung tâm nghiên cứu cải tiến y tế.

- Trình ký phụ lục hợp đồng KCB Lao theo Công văn số 841/BHXXH-GĐBHYYT.

5.4. Công tác Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn:

- Sinh hoạt Hội đồng người bệnh cấp Bệnh viện 01 lượt, cấp khoa 20 lượt có 291 người dự, đóng góp 52 ý kiến, đa số các ý kiến đều khen ngợi thái độ phục vụ của y, bác sĩ trong công tác khám chữa bệnh, khen bệnh viện cung cấp nước uống, xà phòng rửa tay đầy đủ, phòng bệnh sạch sẽ.

- Bình phiếu chăm sóc 01 hồ sơ khoa CCHS, kết quả kế hoạch chăm sóc không đạt, đề nghị làm lại.

- Kiểm tra 26 quy trình kỹ thuật Điều dưỡng tại các khoa lâm sàng đều đạt.

- Thực hiện kiểm tra VSCN, KSNK, đeo khẩu trang (VSCN đạt 92,80%, công tác khác đều đạt).

- Lập 02 biên bản về việc vệ sinh tại tầng 03 khoa Nội Nhiễm 03 tuần liên tiếp kết quả đạt <90%, tầng 04 khoa Nội Nhiễm đạt <80%.

- Hoàn thành cây vi khuẩn nguồn nước uống từ hệ thống lọc nước ở khoa Nội, Ngoại Tổng hợp, Nhi và nguồn nước rửa tay ở khu phẫu thuật gửi Trung tâm kiểm định TVU, kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt tiêu chuẩn.

- Hoàn thành cây vi sinh môi trường không khí lần 2/2022 tại phòng mổ 1,2,3, phòng sanh 1,2; phòng đơn nguyên sơ sinh, phòng vi sinh, phòng hậu phẫu, kết quả đều đạt.

5.5. Công tác Dược:

- Phối hợp với HĐT&ĐT tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú theo Công văn số 1693/SYT-NVY của Sở Y tế.

- Lập Công văn gửi Công ty Dược liệu Trung Ương 2 về việc cung ứng mặt hàng thuốc Volulyte 6%.

- Báo cáo tình hình cung ứng thuốc theo Công văn số 1861/SYT-NVD của Sở Y tế.

- Lập kế hoạch mua sắm các mặt hàng thuốc không trúng thầu năm 2022.

- Trình hội đồng danh mục thuốc gây nghiện do bệnh nhân Ung thư sử dụng không hết trả về khoa Dược, tiến hành đánh giá lại chất lượng và đưa vào sử dụng miễn phí cho bệnh nhân.

- Xây dựng các quy trình chuyên môn về công tác Dược trình Ban Giám đốc ban hành.

- Tiếp nhận 21 đơn vị máu từ Bệnh viện Huyết Học-Truyền máu Cần Thơ (09A, 08B, 04O).

- Công tác quản lý, cung ứng vắc xin Covid-19: (tính từ ngày 01-31/7/202)

STT	Tên vắc xin	ĐVT	Tồn đầu	Nhập	Xuất	Tồn cuối
1	AstraZeneca	Liều	0	0	0	0
2	Moderna	Liều	0	1.500	1.500	0
3	Comirnaty-Pfizer	Liều	0	11.514	11.514	0
	Tổng cộng		0	13.014	13.014	0

5.6. Công tác TTB-VTYT:

5.6.1. Trang thiết bị:

- Thực hiện các công tác thường xuyên: bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa TTB; cung ứng, dự trữ VTYT, hóa chất sinh phẩm; kiểm tra sử dụng TTB, VTYT, hóa chất, sinh phẩm tại các khoa và trạm y tế.

- Báo cáo rà soát, đánh giá lại hiện trạng thực tế các danh mục thiết bị phục vụ cho việc tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư mua sắm TTB cho các trạm y tế.

- Hoàn thành hồ sơ gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

- Kiểm tra hoạt động các TTB tại các khoa.

- Bàn giao TTBYT thanh lý của Bệnh viện và trạm y tế.

- Nhận giấy phép gia hạn hoạt động phòng X-quang.

5.6.2. Vật tư y tế - Hóa chất - Sinh phẩm y tế (VTYT - HC- SPYT):

- Cấp phát VTYT-Hóa chất-Sinh phẩm cho các khoa và trạm y tế đảm bảo cho công tác KCB.

- Nhận VTYT phòng, chống dịch từ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh theo Công văn số 2070/SYT-NVD của Sở Y tế.

- Xác nhận biên bản nghiệm thu hàng hóa Công ty TNHH Oxy Đồng Nai.

- Xin báo giá các mặt hàng VTYT- sinh phẩm gói không có nhà thầu tham dự.

- Xây dựng danh mục hóa chất-VTYT-Sinh phẩm xin chủ trương đấu thầu lại.

5.7. Công tác đấu thầu: Phát hành E-HSMT, đóng/mở thầu và đánh giá E-HSDT gói thầu mua vật tư, TTBYT sử dụng tại TTYT.

5.8. Hoạt động Tổ Công tác xã hội:

Hướng dẫn người bệnh quy trình khám bệnh, nhập viện 1.699 lượt.

5.9. Công tác kiểm tra, giám sát:

- Phòng Điều dưỡng kiểm tra 550 HSBA, ghi nhận 35 hồ sơ lỗi như thiếu chữ ký Bác sĩ, thiếu theo dõi dịch truyền...tất cả các hồ sơ lỗi đều được phản hồi chỉnh sửa kịp thời.

- Kiểm tra 1.328 đơn thuốc ngoại trú có 13 đơn lỗi liên quan đến xuất toán chi phí BHYT do chỉ định thuốc nhưng không có chẩn đoán liên quan.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ.

1. Những việc làm được:

1.1. Triển khai thực hiện đầy đủ các văn bản tiếp nhận và ban hành mới trong đó trọng tâm các văn bản chỉ đạo từ Ban Giám đốc, các khoa phòng, trạm y tế tiếp nhận và triển khai thực hiện.

1.2. Công tác phòng, chống dịch Covid-19:

- Tình hình dịch bệnh Covid – 19 trong tháng trên địa bàn huyện được kiểm soát, trong tháng có 01 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 và được cách ly điều trị, theo dõi tại nhà từ ngày 29/7/2022.

- Cấp độ dịch của huyện cấp độ 1.

- Hoàn thành kế hoạch tiêm vắc xin phòng Covid-19 đợt 51, 52, sử dụng hết số lượng vắc xin được phân bổ.

1.3. Dịch bệnh SXH số ca mắc tăng 09 ca so với tháng 6/2022 và tăng 17 ca so với cùng kỳ năm 2021 nhưng vẫn còn kiểm soát được, chưa có ca SXH nặng do phát hiện trễ, 100% ổ dịch nhỏ được xử lý triệt để (08 ổ dịch nhỏ).

1.4. Bệnh Tay chân miệng được kiểm soát: mắc mới 09 ca, giảm 12 ca so với tháng trước. Chưa phát hiện ổ dịch mới.

1.5. Công tác khám chữa bệnh: so với tháng 6/2022 và cùng kỳ năm 2021 các chỉ số khám chữa bệnh, cận lâm sàng đều tăng.

1.6. Đảm bảo tiến độ đấu thầu mua thuốc, VTYT, hóa chất để phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

1.7. Các khoa, phòng, trạm y tế tái lập các hoạt động khám, chữa bệnh, triển khai hoạt động công tác y tế dự phòng, các chương trình mục tiêu y tế theo chỉ tiêu kế hoạch được giao và duy trì các hoạt động này thường xuyên.

1.8. Các chương trình Y tế công cộng, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường được triển khai hoạt động đảm bảo tiến độ, báo cáo về cơ quan quản lý đầy đủ.

2. Những mặt khó khăn, hạn chế:

2.1. Chỉ tiêu phẫu thuật, điều trị nội trú, xét nghiệm, đo ECG, chụp CT Scanner chưa đảm bảo theo tiến độ so với chỉ tiêu được giao.

- Các khoa lâm sàng: các chỉ số khám, chữa bệnh và cận lâm sàng so với chỉ tiêu được giao năm 2022 chưa đạt gồm tổng số khám bệnh (59,4%), khám YHCT (45,6%), điều trị nội trú (56,9%), xét nghiệm máu (60%), đo ECG (58,6%), phẫu thuật (63,7) (xem chi tiết phụ lục 13).

- Chỉ tiêu khám bệnh của trạm y tế chưa đạt theo tiến độ (61,3%) (xem chi tiết phụ lục 12).

2.2. Một số chỉ tiêu về chương trình mục tiêu y tế: được triển khai thực hiện nhưng kết quả đạt chưa đảm bảo tiến độ.

- Chương trình tiêm chủng mở rộng tiến độ còn thấp đạt 51,6% so với kế hoạch, do vắc xin cung cấp trong tháng còn hạn chế thiếu vắc xin Sởi và DPT (xem phụ lục 14).

- Công tác xét nghiệm tầm soát lao còn thấp 36,4%; số làm xét nghiệm sốt rét đạt 49,9% so với chỉ tiêu được giao.

- Hoạt động phòng chống lây nhiễm qua đường tình dục chưa đạt theo tiến độ chỉ tiêu được giao.

2.3. Công tác rà soát phối hợp cập nhật bổ sung dữ liệu tiêm chủng Covid-19 cho trùng khớp với dữ liệu quốc gia về dân cư tiến độ còn chậm.

3. Nguyên nhân:

3.1. Nguyên nhân đạt được:

- Được sự chỉ đạo của Đảng Ủy, Ban Giám đốc Trung tâm Y tế, sự đồng lòng của CBVC khắc phục khó khăn để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Tình hình dịch bệnh Covid – 19, được kiểm soát, các hoạt động của khoa, phòng, trạm y tế được tái lập thích ứng trong điều kiện bình thường mới.
- Công tác tiêm chủng phòng Covid – 19 được triển khai đầy đủ theo kế hoạch Sở Y tế giao.
- Đảm bảo nguồn nhân lực của khoa, phòng, điều động bổ nhiệm viên chức đáp ứng nhiệm vụ được giao.
- Thực hiện công tác bổ nhiệm và tái bổ nhiệm cho các Lãnh đạo khoa, phòng, trạm y tế theo đúng quy định.

3.2. Nguyên nhân chưa đạt:

Do tình hình dịch bệnh Covid – 19 trong 03 tháng đầu năm 2022 làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai kế hoạch của năm do đó kết quả một số chỉ tiêu còn đạt chưa đúng tiến độ.

- Tỷ lệ người có quyền lợi về BHYT giảm nhiều so với những năm trước và việc thông tuyến BHYT cũng ảnh hưởng nhiều đến chỉ tiêu khám, chữa bệnh, cận lâm sàng được giao.
- Nguồn cung cấp vắc xin cho chương trình tiêm chủng bị thiếu vắc xin Sởi và DPT do đó tỷ lệ trẻ < 1 tuổi tiêm đủ liều đạt thấp.
- Công tác rà soát phối hợp cập nhật bổ sung dữ liệu tiêm chủng Covid-19 cho trùng khớp với dữ liệu quốc gia về dân cư tiến độ còn chậm do các xã tập trung thực hiện chiến dịch tiêm vắc xin phòng Covid-19.
- Công tác khám, chữa bệnh, các chương trình y tế quốc gia mới được tái lập bình thường mới từ tháng 4/2022 đến nay do đó một số chỉ tiêu được Sở Y tế giao chưa đạt theo tiến độ thời gian.

B. KẾ HOẠCH THÁNG 8 NĂM 2022

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM:

1. Kiện toàn bộ máy hoạt động của Trung tâm Y tế, trọng tâm là nhân lực trạm y tế xã, thị trấn.
2. Duy trì công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo kiểm soát được tình hình dịch bệnh trên địa bàn.
3. Đảm bảo việc cung ứng thuốc, VTYT, hóa chất, TTBYT, vật tư tiêu hao khác để phục vụ công tác KB – CB, chương trình mục tiêu y tế, phòng chống dịch bệnh.
4. Duy trì hoạt động cải tiến chất lượng.
5. Tăng cường công tác chỉ đạo, hỗ trợ các trạm y tế có chỉ tiêu đạt thấp, trọng tâm là công tác phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng, công tác khám, chữa bệnh.
6. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 cho các khoa, phòng, trạm y tế.

II. CÁC GIẢI PHÁP:

1. Kiện toàn bộ máy hoạt động của Trung tâm Y tế, trọng tâm là nhân lực trạm y tế xã, thị trấn.

1.1. Thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh trưởng/phó khoa, phòng, trạm y tế xã, thị trấn đảm bảo đúng theo quy định.

1.2. Rà soát nhân lực khối dự phòng và trạm y tế đúng theo vị trí việc làm.

1.3. Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, đáp ứng triển khai các kỹ thuật mới và nâng cao năng lực khám, chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh.

1.4. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước cho viên chức, giảm vi phạm so với năm 2021.

2. Chỉ đạo thực hiện tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh.

2.1. Phòng, chống dịch Covid-19:

- Các khoa phòng, trạm thực hiện các biện pháp trong phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới, vừa đảm bảo khám, chữa bệnh, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu được giao trong năm 2022.

- Áp dụng sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân trong phòng, chống bệnh dịch Covid-19 tại cơ sở KCB theo Quyết định số 2171/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

- Tiếp tục triển khai tiêm vắc xin phòng Covid-19 theo kế hoạch của Sở Y tế, tổ chức tiêm chủng an toàn, đúng tiến độ theo kế hoạch phân bổ vắc xin được giao; quản lý, bảo quản, cấp phát nguồn vắc xin Covid-19, báo cáo thống kê số lượng đúng quy định.

- Tiếp tục rà soát, làm sạch dữ liệu tiêm chủng, xác thực thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm phục vụ nhu cầu liên thông Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp hộ chiếu vắc xin cho người dân.

2.2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phòng, chống dịch bệnh khác như SXH, TCM, sởi, đậu mùa khỉ...; giám sát chỉ số muỗi, chỉ số lăng quăng tại các xã trọng điểm có chỉ số mắc cao và có phương án không chế không để xảy ra dịch lớn và tử vong.

2.3. Tổ chức phối hợp và tăng cường công tác truyền thông cho người dân trên địa bàn bằng nhiều hình thức, phối hợp với các ban ngành đoàn thể, Đài Truyền thanh các xã, thị trấn, Đài Truyền thanh huyện tổ chức phát tin bài phòng, chống bệnh SXH, TCM, đậu mùa khỉ, tiêm chủng vắc xin Covid- 19.

3. Đảm bảo việc cung ứng thuốc, VTYT, hóa chất, TTBYT, vật tư tiêu hao khác để phục vụ công tác KB – CB, chương trình mục tiêu y tế, phòng chống dịch bệnh.

- Các khoa, trạm y tế phối hợp với khoa Dược, phòng TTB - VTYT chủ động việc trừ cơ sở thuốc, VTYT, hóa chất, để đáp ứng công tác KB-CB; phòng, chống dịch bệnh như Covid-19; SXH

- Khoa Dược, phòng TTB-VTYT, các phòng chức năng, tổ chuyên môn tham mưu cho Tổ đầu thầu, Ban Giám đốc công tác đầu thầu, đảm bảo tiến độ, phương án cung ứng thuốc, VTYT, đảm bảo không để thiếu thuốc, VTYT, vật tư tiêu hao... trình BGĐ xem xét chỉ đạo những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Công tác cải tiến chất lượng trong khám bệnh - chữa bệnh:

- Báo cáo việc thực hiện kế hoạch QLCL của 6 tháng đầu năm và kế hoạch quý III/2022.

- Tổ chức sinh hoạt khoa học kỹ thuật thường kỳ: báo cáo chuyên đề, bình bệnh án, đơn thuốc ngoại trú thường kỳ.
- Phê duyệt các quy trình của khoa, phòng và triển khai thực hiện.
- Trình phê duyệt ban hành phác đồ điều trị năm 2022 và tổ chức biên soạn quy trình chuyên môn của từng khoa.

- Tổ chức tập huấn giao tiếp ứng xử cho các nhân viên y tế.

- Tổ chức thi tay nghề Điều dưỡng - NHS năm 2022.

5. Tăng cường công tác chỉ đạo, hỗ trợ các trạm y tế có chỉ tiêu đạt thấp, trọng tâm là công tác phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng, công tác khám, chữa bệnh.

- Các khoa, phòng liên quan đến chương trình mục tiêu y tế - Dân số tăng cường hỗ trợ, chỉ đạo tuyến các trạm y tế giải quyết khó khăn, vướng mắc đối với các chỉ tiêu đạt thấp.

- Giám sát thường xuyên các điểm tiêm chủng mở rộng tuyến xã, tăng cường công tác truyền thông trong TCMR để tăng tỉ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ em.

- Phối hợp khoa Khám bệnh tăng cường công tác xét nghiệm tầm soát lao cho bệnh nhân nghi mắc lao, tăng cường lấy lam sốt rét các trường hợp sốt, về từ vùng có bệnh sốt rét lưu hành, tăng cường công tác tiêm chủng mở rộng khi vắc xin được cấp đầy đủ.

- Tham mưu Ban Giám đốc TTYT các giải pháp, kế hoạch để khắc phục khó khăn vướng mắc trong triển khai thực hiện chỉ tiêu khó đạt.

6. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 cho các khoa, phòng, trạm y tế.

Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch của Sở Y tế điều chỉnh năm 2022, điều chỉnh chỉ tiêu cho các khoa, phòng, trạm y tế và các khoa, phòng trạm y tế xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ tiêu được điều chỉnh.

7. Công tác khác:

7.1. Công tác Tổ chức - Hành chính:

- Rà soát nhân lực khoa, phòng, trạm y tế (phân bổ 6 – 7 người/trạm y tế).
- Thực hiện thủ tục bổ nhiệm Trưởng, Phó khoa, phòng, trạm y tế.
- Phối hợp phòng KHNV tổ chức tập huấn quy tắc ứng xử cho nhân viên y tế.

7.2. Công tác chuyên môn nghiệp vụ:

- Tiếp tục tổng hợp, lập báo cáo hoạt động QLCL 06 tháng đầu năm 2022.
- Hoàn thành tổng hợp quy trình từ các khoa, phòng và báo cáo BGĐ.
- Báo cáo BGĐ việc dữ liệu XML đưa lên cổng bảo hiểm còn sót hồ sơ.
- Báo cáo Sở Y tế kết quả triển khai hoạt động đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ chuyên môn trực tiếp và từ xa.

- Báo cáo thuyết minh tình hình sử dụng nguồn kinh phí KCB 06 tháng đầu năm 2022 gửi BHXH tỉnh (trước ngày 15/8/2022).

- Lập kế hoạch theo Công văn số 2092/SYT-KHTC của Sở Y tế về xây dựng kế hoạch thực hiện Quyết định số 1333/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc chuyển giao kỹ thuật cho trạm y tế.

7.3. Công tác Điều dưỡng - KSNK:

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư số 31/2021/TT-BYT quy định về hoạt động Điều dưỡng trong Bệnh viện và Thông tư số 16/2018/TT - BHYT quy định về Kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thi tay nghề Điều dưỡng - NHS năm 2022.

7.4. Công tác Tài chính – Kế toán:

- Liên hệ phòng KHTC Sở Y tế việc thực hiện chế độ chính sách cho viên chức theo Công văn số 1980/SYT-TCCBHC của Sở Y tế.
- Bàn giao công tác kế toán, hoàn thiện thủ tục đăng ký chữ ký với kho bạc trên dịch vụ công.
- Tổng hợp kinh phí trợ cấp lần đầu, trợ cấp 01 lần cho viên chức trạm y tế Ngãi Xuyên và Thanh Sơn.
- Tiếp tục kiểm tra chứng từ quyết toán tiền công tiêm vắc xin phòng Covid-19 của các đợt còn lại.
- Rà soát, thẩm định kinh phí phụ cấp trạm y tế lưu động trình UBND huyện xem xét phân bổ kinh phí.
- Báo cáo về việc cảnh báo chuyên đề đợt 2 năm 2022 theo Công văn 914/BHXH-GĐBH YT.

7.5. Công tác Dược:

- Trình Sở Y tế kế hoạch mua sắm các mặt hàng thuốc không trúng thầu năm 2022.
- Liên hệ BVĐK Trà Vinh nhượng một số thuốc sử dụng cho phòng mổ, cấp cứu: Rocuronium 20A, Neostigmin 60A, Suxamethonium 20A, Midazolam 100A, Diazepam 100A, Medicain (tê nha) 1.000A.
- Trình Sở Y tế xin ý kiến về việc thanh lý thuốc hướng thần hết hạn dùng, xử lý thuốc điều trị Covid-19 còn tồn kho và vị thuốc cổ truyền không có SĐK theo quy định của Thông tư số 38/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Lập kế hoạch công bố tiêu chuẩn GSP theo Công văn số 6122/SYT-NVD của Sở Y tế.
- Triển khai công tác cải tiến chất lượng, an toàn người bệnh tại quầy cấp phát thuốc BHYT ngoại trú.

7.6. Công tác TTB-VTYT:

- Thực hiện các công tác thường xuyên: bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa TTB; cung ứng, dự trữ VTYT, hóa chất, sinh phẩm, kiểm tra sử dụng TTB, VTYT, sinh phẩm hóa chất tại các khoa và trạm y tế.
- Sửa chữa hệ thống Oxy trung tâm.
- Xin chủ trương sửa chữa máy Ion đồ ISE 5000.
- Bảo trì các TTB thuộc gói 76 dự án mở rộng Bệnh viện giai đoạn 2
- Bảo trì máy huyết học Poch 100i của khoa XN-CĐHA.
- So sánh, đối chiếu và đánh giá định mức sử dụng VTYT, hóa chất khoa XN-CĐHA.

7.7. Công tác YTCC – DD và ATTP:

- Lập kế hoạch giám sát ATTP đối với các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố trên địa bàn.
- Phối hợp với các trạm y tế tổ chức tập huấn chương trình phòng chống tai nạn thương tích cho đối tượng là chuyên trách của trạm và cộng tác viên.
- Phối hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thực hiện đo môi trường lao động năm 2022 (dự kiến ngày 25/8/2022); thực hiện giám sát công tác bảo vệ môi trường; phân loại, thu gom chất thải các tại trạm y tế.

- Báo cáo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh các hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường thế giới 5/6 và Tháng hành động vì môi trường năm 2022.

7.8. Công tác CSSKSS-DS-KHHGD:

- Thực hiện công tác khám, chữa bệnh thường xuyên và cung cấp dịch vụ KHHGD.

- Hướng dẫn chuyên trách người cao tuổi tại trạm y tế tổ chức thực hiện khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú cho người cao tuổi cô đơn, bị bệnh nặng không thể đến cơ sở y tế khám, chữa bệnh.

7.9. Khoa lâm sàng, cận lâm sàng: đảm bảo các hoạt động thường xuyên trong khám, chữa bệnh; phòng, chống dịch bệnh và triển khai thực hiện các chỉ đạo từ Ban Giám đốc.

7.10. Trạm y tế:

- Duy trì công tác truyền thông phòng, chống dịch bệnh SXH, TCM, Covid-19, đầu mùa khi...

- Phối hợp với các Ban ngành đoàn thể trong công tác diệt muỗi, lăng quăng.

- Đảm bảo các hoạt động khám, chữa bệnh và thực hiện các chỉ tiêu về y tế xã được giao trong năm 2022.

III. KIẾN NGHỊ:

Khoa khám bệnh xin 01 phòng để khoa làm kho lưu trữ hồ sơ, trang thiết bị.

Trên đây là báo cáo công tác y tế tháng 7 năm 2022 và kế hoạch tháng 8 năm 2022 của Trung tâm Y tế huyện Trà Cú.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (B/c);
- Huyện ủy (B/c);
- UBND huyện (B/c);
- Phòng Y tế (B/c);
- Ban Giám đốc;
- Khoa, phòng, TYT;
- Lưu: VT, KHN.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2022

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ tháng 7/2021	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
				Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 7	Cộng dồn	So với chỉ tiêu	So với cùng kỳ tháng 7/2021	
I	Khám chữa bệnh (Phụ lục 1)								
1	TS lượt khám bệnh	Lượt	13.076	150.000	17.487	101.707	67,8	133,7	
2	TS khám BHYT	Lượt	11.004		13.883	79.387		126,2	
3	TS khám YHCT	Lượt	3.041	30.000	3.141	20.760	69,2	103,3	
4	TS bệnh nội trú	Người	1.045	15.000	1.559	8.537	56,9	149,2	
5	TS ngày điều trị	Ngày	4.768		7.674	37.180		160,9	
6	CSSDGB	%	76,9		123,8	76,5		161	
7	TS điều trị ngoại trú	Người	121	1.300	372	1.808	139,1	307,4	
8	TS xét nghiệm	Lượt	5.269	70.000	7.867	41.990	60	149,3	
9	TS X - Quang	Lượt	787	13.000	1.948	11.002	84,6	247,5	
10	TS siêu âm	Lượt	972	13.000	1.835	8.793	67,6	188,8	
11	TS đo điện tâm đồ	Lượt	1.045	15.000	1.658	8.865	59,1	158,7	
12	TS Chụp CT Scanner	Lượt		350	117	303	86,6		
13	TS phẫu thuật	Lượt	66	1.500	171	955	63,7	259,1	
14	TS lượt chăm cứu	Lượt	905	10.000	1.127	6.236	62,4	124,5	
15	TS thang thuốc	Thang	449	6.400	386	3.591	56,1	86	
16	Chuyển tuyến trên	Lượt	196		530	3.859		270,4	
	+ Nội trú	Lượt	97		109	955		112,4	
	+ Ngoại trú	Lượt	99		421	2.904		425,3	
II	MỤC TIÊU Y TẾ & DÂN SỐ								
1	Hoạt động phòng, chống sốt rét (Phụ lục 2)								
	Tử vong do sốt rét	Người	0	0	0	0			
	Dịch sốt rét	Vụ	0	0	0	0			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ tháng 7/2021	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
				Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 7	Cộng dồn	So với chỉ tiêu	So với cùng kỳ tháng 7/2021	
	Số lam xét nghiệm	Lam	38	750	70	374	49,9	184,2	
	Số lượt người được điều trị sốt rét	Lượt	4	41	2	25	61		
	- Điều trị bệnh	Lượt	0	1	0	0	0		
	- Cấp thuốc tự điều trị	Lượt	4	40	2	25	62,5		
2	Hoạt động phòng, chống bệnh phong - Da liễu-Hoa liễu (phụ lục 3)								
	<i>Hoạt động phòng, chống bệnh phong</i>								
	Tổng số khám bệnh da phát hiện phong	Lượt		600	72	433	72,2		
	Tổng số bệnh nhân phong quản lý	Người	10	9	8	8	88,9	80	
	Số bệnh nhân được chăm sóc tận tụy	Người	10	9	8	8	88,9	80	
3	Hoạt động lây truyền qua đường tình dục STI (Phụ lục 4)								
	T/s khám bệnh STI	Lượt	56	1.000	81	452	45,2	144,6	
	Số bệnh nhân mới phát hiện	Người	38	200	10	122	61	26,3	
	Số bệnh nhân được quản lý điều trị	Người	38	200	10	122	61	26,3	
4	Hoạt động phòng chống lao (Phụ lục 5)								
	Tổng số lượt người khám lao	Lượt	110	837	135	818	97,7	122,7	
	Số bệnh nhân được phát hiện lao các thể	Người	6	145	20	90	62,1	333,3	
	Số bệnh nhân lao được quản lý điều trị	Người	252	344	203	203	59	80,6	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ tháng 7/2021	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
				Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 7	Cộng dồn	So với chỉ tiêu	So với cùng kỳ tháng 7/2021	
	Số lam xét nghiệm lao	Lam	57	815	85	297	36,4	149,1	
	AFB (+)	Người	5	104	17	63	60,6	340	
	Lao kháng thuốc	Người	0	2	0	0	0		
	Lao trẻ em	Trẻ em	0	4	0	1	25		
5	Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần (phụ lục 6)								
	Tổng số lượt khám tầm soát	Lượt	4	18	2	14	77,8	50	
	Tổng số bệnh tâm thần phát hiện mới	Người	0	3	0	2	66,7		
	Tổng số bệnh nhân được quản lý điều trị	Người	261	291	261	261	89,7	100	
	Tổng số bệnh nhân được điều trị ổn định	Người	145	174	154	154	88,5	106,2	
	Tổng số bệnh nhân điều trị khỏi	Người	0	1	0	0	0		
6	Tiêm chủng mở rộng (Phụ lục 7)								
	Số trẻ < 1 tuổi TC đủ liều	Trẻ	107	2.156	173	1.112	51,6	161,7	
	Số trẻ sơ sinh tiêm vắc xin viêm gan B	Trẻ	174	2.156	93	843	39,1	53,4	
	Tiêm ngừa uốn ván (VAT 2+) cho phụ nữ có thai	Phụ nữ	120	2.156	164	1.118	51,9	136,7	
	Số trẻ 13 đến 36 tháng tiêm vắc xin viêm não NB B:								
	+ Trẻ được tiêm mũi 2	Trẻ	84	2.150	166	1.191	55,4	197,6	
	+ Trẻ được tiêm mũi 3	Trẻ	96	2.215	163	1.195	54	169,8	
	Tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi tiêm vắc xin Sởi - Rubella	%	107	1.935	178	1.352	69,9	166,4	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ tháng 7/2021	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
				Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 7	Cộng dồn	So với chỉ tiêu	So với cùng kỳ tháng 7/2021	
	Tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi tiêm vắc xin DPT 4	%	110	1.935	43	1.032	53,3	39,1	
7	Hoạt động CSSKSS-DS KHHGD (Phụ lục 8)								
	Số lượt người khám phụ khoa	Lượt	991	11.000	1.148	7.262	66	115,8	
	Số lượt người điều trị phụ khoa	Lượt	418	4.500	541	3.117	69,3	129,4	
	Số lượt người khám thai	Lượt	594	5.890	507	3.637	61,7	85,4	
	Tổng số PN đẻ	Người	156	2.156	104	1.070	49,6	66,7	
	Tỷ lệ PN đẻ do CB y tế hỗ trợ	%	95,6	100	100	100	100	104,6	
	Số trẻ sơ sinh sống	Trẻ	157	2.156	104	1.075	49,9	66,2	
	Tỷ lệ PN khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ	%	95,6	82	98,8	97,9	119,4	103,3	
	Tỷ lệ mẹ, trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong 42 ngày đầu sau sinh	%	98,5	95	100	99,2	104,4	101,5	
	Tỷ lệ mẹ, trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong tuần đầu sau sinh	%	99,3	88	100	99,1	112,6	100,7	
	Số người áp dụng các BPTT								
	+ Đặt vòng	Chiếc	88	765	188	918	120	213,6	
	+ Thuốc tiêm tránh thai	Lọ	26	109	21	106	97,2	80,8	
	+ Thuốc uống tránh thai	Vỉ	488	5.839	503	3.223	55,2	103,1	
	+ Bao cao su	Chiếc	229	1.048	163	1.101	105,1	71,2	
	Sàng lọc trước sinh	Ca	12		11	84		91,7	
	Sàng lọc sơ sinh	Ca	4		0	2		0	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ tháng 7/2021	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
				Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 7	Cộng dồn	So với chỉ tiêu	So với cùng kỳ tháng 7/2021	
8	Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em (Phụ lục 9)								
	Số trẻ < 5 tuổi được quản lý	Trẻ	11.032	10.325	10.493	10.493	101,6	95,1	
	Số trẻ < 5 tuổi thoát khỏi suy dinh dưỡng	Trẻ	14	240	15	170	70,8	107,1	
	Tỷ lệ SDD cân nặng/tuổi (nhẹ cân)	%	3,8	3,8	3,68	3,68	Đạt	Đạt	
	Tỷ lệ SDD chiều cao/tuổi (thấp còi)	%	4,64	4,64	4,3	4,3	Đạt	Đạt	
9	Phòng, chống HIV/AIDS (Phụ lục 10)								
	Nhiễm mới HIV	Người	0		0	4			
	Nhiễm mới AIDS	Người	0		0	0			

Phụ lục 11:**KẾT QUẢ KCB THÁNG 7 NĂM 2022 VÀ SO SÁNH THÁNG 6 NĂM 2022**

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6/2022	Thực hiện tháng 7/2022	So sánh (%)	Ghi chú
I	Khám chữa bệnh (Phụ lục 1)					
1	TS lượt khám bệnh	Lượt	16.607	17.487	105,3	
	+ BV	Lượt	9.764	10.992	112,6	
	+ 17 TYT	Lượt	6.843	6.495	94,9	
2	TS khám BHYT	Lượt	12.919	13.883	107,5	
	+ BV	Lượt	8.584	9.582	111,6	
	+ 17 TYT	Lượt	4.335	4.301	99,2	
3	TS khám YHCT	Lượt	2.991	3.141	105	
	+ BV	Lượt	988	1.074	108,7	
	+ 17 TYT	Lượt	2.003	2.067	103,2	
4	TS bệnh nội trú	Người	1.401	1.559	111,3	
5	TS ngày điều trị	Ngày	6.684	7.674	114,8	
6	CSSDGB	%	111,4	123,8	111,1	
7	TS điều trị ngoại trú	Người	269	372	138,3	
8	TS xét nghiệm	Lượt	6.003	7.867	131,1	
9	TS X – quang	Lượt	1.792	1.948	108,7	
10	TS siêu âm	Lượt	1.512	1.835	121,4	
	+ BV	Lượt	1.482	1.802	121,6	
	+ 17 TYT	Lượt	30	33	110	
11	TS đo điện tâm đồ	Lượt	1.534	1.658	108,1	
	+ BV	Lượt	1.501	1.632	108,7	
	+ 17 TYT	Lượt	33	26	78,8	
12	TS Chụp CT Scanner	Lượt	85	117	137,6	

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6/2022	Thực hiện tháng 7/2022	So sánh (%)	Ghi chú
13	TS phẫu thuật	Lượt	127	171	134,6	
14	TS lượt châm cứu	Lượt	1.527	1.127	73,8	
	+ BV	Lượt	567	570	100,5	
	+ 17 TYT	Lượt	960	557	58	
15	TS thang thuốc	Thang	683	386	56,5	
16	Chuyển tuyến trên	Lượt	569	530	93,1	
	+ Nội trú	Lượt	100	109	109	
	+ Ngoại trú	Lượt	469	421	89,8	

Phụ lục 12:

TỔNG HỢP CHỈ SỐ KHÁM CHỮA BỆNH TRẠM Y TẾ THÁNG 7/2022

(Số liệu từ 01/7/2022 đến 31/7/2022)

STT	TRẠM Y TẾ	Đơn vị tính	Số liệu trạm y tế																Tổng
			Thanh Sơn	Kim Sơn	Hàm Giang	Hàm Tân	Đại An	Định An	TT Định An	Ngọc Biên	Long Hiệp	Tân Hiệp	Phước Hưng	Tập Sơn	Tân Sơn	An Quảng Hữu	Lưu nghiệp Anh	Ngãi Xuyên	
1	Chỉ tiêu khám bệnh	Lượt	4.500	4.000	3.500	3.800	5.000	6.000	3.300	4.000	4.000	5.000	6.000	3.400	3.000	5.000	5.000	3.500	69.000
	Thực hiện trong tháng	Lượt	207	224	216	340	520	750	267	224	724	438	671	342	185	621	426	340	6.495
	Cộng dồn 7 tháng	Lượt	1.105	1.497	1.325	2.240	2.765	6.291	2.385	2.555	3.772	2.192	4.183	2.393	1.236	2.543	3.266	2.568	42.316
	So với chỉ tiêu	%	24,6	37,4	37,9	58,9	55,3	104,9	72,3	63,9	94,3	43,8	69,7	70,4	41,2	50,9	65,3	73,4	61,3
2	Chỉ tiêu khám BHYT	Lượt																	
	Thực hiện trong tháng	Lượt	207	53	124	208	226	750	260	171	348	298	517	298	185	130	293	233	4.301
	Cộng dồn 7 tháng	Lượt	1.105	597	918	1.243	1.533	6.291	2.319	1.207	1.953	1.843	3.276	2.113	1.236	777	1.817	1.789	30.017
3	Chỉ tiêu khám YHCT	Lượt	1.350	1.200	1.050	1.160	1.500	1.800	990	1.200	1.200	1.500	1.800	1.020	900	1.500	1.500	1.050	20.720
	Thực hiện trong tháng	Lượt	73	68	49	110	161	230	164	68	150	168	224	203	60	141	128	70	2.067
	Cộng dồn 7 tháng	Lượt	430	521	406	699	854	1.954	1.471	755	1.380	994	1.614	1.154	400	848	982	828	15.290
	So với chỉ tiêu	%	31,9	43,4	38,7	60,3	56,9	108,6	148,6	62,9	115,0	66,3	89,7	113,1	44,4	56,5	65,5	78,9	73,8
4	Chỉ tiêu châm cứu	Lượt	150	100	100	150	100	300	150	400	300	500	200	150	100	200	150		3.050
	Thực hiện trong tháng	Lượt	62	12	0	31	5	77	109	27	124	0	21	55	0	15	19		557
	Cộng dồn 7 tháng	Lượt	174	83		135	70	848	530	392	577	138	104	308	0	194	114		3.667
	So với chỉ tiêu	%	116	83	-	90	70	282,7	353,3	98	192,3	27,6	52	205,3	-	97	76		120,2

STT	TRẠM Y TẾ	Đơn vị tính	Số liệu trạm y tế																Tổng
			Thanh Sơn	Kim Sơn	Hàm Giang	Hàm Tân	Dại An	Định An	TT Định An	Ngọc Biên	Long Hiệp	Tân Hiệp	Phước Hưng	Tập Sơn	Tân Sơn	An Quảng Hữu	Lưu nghiệp Anh	Ngãi Xuyên	
5	Chỉ tiêu Đo ECG	Lượt				50	50	60			50	50	50		50		50		410
	Thực hiện trong tháng	Lượt				0	4	4			5	0	5		4		4		26
	Cộng dồn 7 tháng	Lượt				1	34	66			42	28	39		34		32		276
	So với chỉ tiêu	%				2	68	110			84	56	78		68		64		67,3
6	Chỉ tiêu siêu âm	Lượt					50	60		50	50	60	50		50		50		420
	Thực hiện trong tháng	Lượt					0	10		0	10	1	4		4		4		33
	Cộng dồn 7 tháng	Lượt					25	60		25	60	37	38		34		31		310
	So với chỉ tiêu	%					50	100		50	120	61,7	76		68		62		73,8

Phụ lục 13:

KẾT QUẢ KHÁM CHỮA BỆNH TẠI CÁC KHOA LÂM SÀNG

SỐ TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	KKB	Nội - Nhiễm	Nhi	Ngoại TH	CSSKSS	CCHS	KSBT	YDCT	Tổng cộng
1	Chỉ tiêu khám bệnh	Lượt	65.500			10.000	2.500	10.000		12.000	100.000
	Thực hiện trong tháng	Lượt	7.283			910	211	1.373	141	1.074	10.992
	Cộng dồn 8 tháng	Lượt	38.318			5.863	1.653	7.208	879	5.470	59.391
	So với chỉ tiêu	%	58,5			58,6	66,1	72,1		45,6	59,4
2	Khám BHYT	Lượt									
	Thực hiện trong tháng	Lượt	6.428			765	192	1.125		1.072	9.582
	Cộng dồn 8 tháng	Lượt	33.096			4.222	1.305	5.312		5.435	49.370
3	Chỉ tiêu khám YHCT	Lượt								12.000	12.000
	Thực hiện trong tháng	Lượt								1.074	1.074
	Cộng dồn 8 tháng	Lượt								5.470	5.470
	So với chỉ tiêu	%								45,6	45,6
4	Chỉ tiêu điều trị ngoại trú	Người	1.000							300	1.300
	Thực hiện trong tháng	Người	306							66	372
	Cộng dồn 8 tháng	Người	1.584				2			222	1.808
	So với chỉ tiêu	%	158,4							74	139,1
5	Chỉ tiêu điều trị nội trú	Người		7.800	2.100	2.400	900	1.600		200	15.000
	Thực hiện trong tháng	Người		823	350	178	40	144		24	1.559
	Cộng dồn 8 tháng	Người		4.425	1.164	1.384	462	1.006		96	8.537
	So với chỉ tiêu	%		56,7	55,4	57,7	51,3	62,9		48	56,9

SỐ TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	KKB	Nội - Nhiễm	Nhi	Ngoại TH	CSSKSS	CCHS	KSBT	YDCT	Tổng cộng
6	Số ngày điều trị nội trú	Ngày									
	Thực hiện trong tháng	Ngày		3.900	1.718	1.083	201	348		424	7.674
	Cộng dồn 8 tháng	Ngày		19.519	5.077	6.907	2.098	2.007		1.572	37.180
7	Số ngày điều trị trung bình	Ngày									
	Thực hiện trong tháng	Ngày		4,7	4,9	6,1	5	2,4		17,7	4,9
	Cộng dồn 8 tháng	Ngày		4,4	4,4	5	4,5	2		16,4	4,4
8	CSSDGB	%									
	Thực hiện trong tháng	%		157,3	138,5	87,3	32,4	74,8		273,5	123,8
	Cộng dồn 8 tháng	%		100,4	52,2	71,1	43,2	55,1		129,4	76,5
9	Chỉ tiêu châm cứu	Lượt								4.000	4.000
	Thực hiện trong tháng	Lượt								570	570
	Cộng dồn 8 tháng	Lượt								2.569	2.569
	So với chỉ tiêu	%								64,2	64,2
10	Số thang thuốc sử dụng	Thang								6.000	6.000
	Thực hiện trong tháng	Thang								386	386
	Cộng dồn 8 tháng	Thang								3.591	3.591
	So với chỉ tiêu	%								59,9	59,9
11	Xét nghiệm	Lượt	48.200	5.000	1.500	3.000	3.500	8.000		800	70.000
	Thực hiện trong tháng	Lượt	2.867	973	612	442	180	2.749		44	7.867
	Cộng dồn 8 tháng	Lượt	14.005	4.962	1.304	3.290	2.523	15.718		188	41.990
	So với chỉ tiêu	%	29,1	99,2	86,9	109,7	72,1	196,5		23,5	60

SỐ TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	KKB	Nội - Nhiễm	Nhi	Ngoại TH	CSSKSS	CCHS	KSBT	YDCT	Tổng cộng
12	X - quang	Lượt	5.000	1.500	500	5.000		1.700		300	14.000
	Thực hiện trong tháng	Lượt	712	135	101	632		299		69	1.948
	Cộng dồn 8 tháng	Lượt	4.121	622	237	4.023	1	1.540		458	11.002
	So với chỉ tiêu	%	82,4	41,5	47,4	80,5		90,6		152,7	78,6
13	Điện tim	Lượt	5.000	1.800	50	500	200	7.000		100	14.650
	Thực hiện trong tháng	Lượt	453	84	4	75	17	971		28	1.632
	Cộng dồn 8 tháng	Lượt	2.194	542	22	365	74	5.226		166	8.589
	So với chỉ tiêu	%	43,9	30,1	44	73	37	74,7		166	58,6
14	Siêu âm	Lượt	3.000	2.000	200	2.000	2.500	2.800		100	12.600
	Thực hiện trong tháng	Lượt	699	110	71	195	212	476		39	1.802
	Cộng dồn 8 tháng	Lượt	2.608	484	206	932	1.705	2.299		249	8.483
	So với chỉ tiêu	%	86,9	24,2	103	46,6	68,2	82,1		249	67,3
15	CT Scanner	Lượt	100	100		100		200			500
	Thực hiện trong tháng	Lượt	29	14		17		57			117
	Cộng dồn 8 tháng	Lượt	53	29		77		143			303
	So với chỉ tiêu	%	53	29		77		71,5			60,6
16	Phẫu thuật các loại	Người	440			1.000	60				1.500
	Thực hiện trong tháng	Người	132			38	1				171
	Cộng dồn 8 tháng	Người	532			420	3				955
	So với chỉ tiêu	%	120,9			42	5				63,7

Phụ lục 14:**CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG TẠI CÁC TRẠM Y TẾ****- Tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản B**

Số TT	Tên xã	Tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản B							
		Tiêm mũi 2				Tiêm mũi 3			
		Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỷ lệ (%)
1	Phước Hưng	215	19	104	48,4	218	15	105	48,2
2	Tập Sơn	140	16	79	56,4	147	9	65	44,2
3	Tân Sơn	109	9	55	50,5	108	13	60	55,6
4	An Quảng Hữu	153	14	90	58,8	156	9	96	61,5
5	Lưu Nghiệp Anh	172	17	101	58,7	175	24	149	85,1
6	Ngãi Xuyên	140	5	63	45	155	2	57	36,8
7	TT Trà Cú	89	4	35	39,3	98	2	24	24,5
8	Thanh Sơn	113	12	67	59,3	116	4	62	53,4
9	Kim Sơn	130	5	72	55,4	133	19	81	60,9
10	Hàm Giang	125	4	72	57,6	128	5	81	63,3
11	Hàm Tân	125	10	87	69,6	129	10	71	55
12	Đại An	163	9	83	50,9	162	9	71	43,8
13	Định An	54	2	33	61,1	57	3	38	66,7
14	TT Định An	50	5	34	68	54	1	20	37
15	Ngọc Biên	131	14	84	64,1	130	10	64	49,2
16	Long Hiệp	105	17	70	66,7	108	16	71	65,7
17	Tân Hiệp	136	4	62	45,6	141	12	80	56,7
Tổng cộng		2.150	166	1.191	55,4	2.215	163	1.195	54

- Tiêm chủng đủ liều, viêm gan B

Số TT	Tên xã	Trẻ < 1 tuổi tiêm chủng đủ liều				Tiêm viêm gan B			
		Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỉ lệ (%)	Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỉ lệ (%)
1	Phước Hưng	216	6	87	40,3	216	11	92	42,6
2	Tập Sơn	141	17	76	53,9	141	7	42	29,8
3	Tân Sơn	110	9	57	51,8	110	4	36	32,7
4	An Quảng Hữu	153	18	78	51	153	4	50	32,7
5	Lưu Nghiệp Anh	173	10	93	53,8	173	7	69	39,9
6	Ngãi Xuyên	140	0	61	43,6	140	6	65	46,4
7	TT Trà Cú	89	4	31	34,8	89	1	31	34,8
8	Thanh Sơn	113	8	56	49,6	113	5	57	50,4
9	Kim Sơn	130	13	68	52,3	130	3	48	36,9
10	Hàm Giang	125	16	86	68,8	125	8	61	48,8
11	Hàm Tân	126	14	73	57,9	126	2	39	31,0
12	Đại An	163	17	95	58,3	163	7	53	32,5
13	Định An	54	3	27	50	54	1	12	22,2
14	TT Định An	50	8	33	66	50	2	17	34,0
15	Ngọc Biên	132	13	66	50	132	3	57	43,2
16	Long Hiệp	105	10	60	57,1	105	4	48	45,7
17	Tân Hiệp	136	7	65	47,8	136	5	53	39,0
18	Bệnh viện						13	112	
Tổng cộng		2.156	173	1.112	51,6	2.156	93	843	39,1

- Tiêm vắc xin Sởi – Rubella, vắc xin DPT4

Số TT	Tên xã	Tiêm vắc xin Sởi - Rubella				Tiêm vắc xin DPT4			
		Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỷ lệ (%)
1	Phước Hưng	192	13	112	58,3	192	16	102	53,1
2	Tập Sơn	134	12	82	61,2	134	0	69	51,5
3	Tân Sơn	96	8	60	62,5	96	0	48	50
4	An Quảng Hữu	130	20	118	90,8	130	0	98	75,4
5	Lưu Nghiệp Anh	149	16	127	85,2	149	17	126	84,6
6	Ngãi Xuyên	142	10	84	59,2	142	0	33	23,2
7	TT Trà Cú	85	8	22	25,9	85	0	11	12,9
8	Thanh Sơn	103	8	76	73,8	103	3	70	68
9	Kim Sơn	121	9	84	69,4	121	0	61	50,4
10	Hàm Giang	115	19	90	78,3	115	0	64	55,7
11	Hàm Tân	117	4	80	68,4	117	0	62	53
12	Đại An	140	13	108	77,1	140	0	63	45
13	Định An	45	2	29	64,4	45	0	24	53,3
14	TT Định An	41	7	30	73,2	41	0	20	48,8
15	Ngọc Biên	110	13	103	93,6	110	0	87	79,1
16	Long Hiệp	95	7	63	66,3	95	7	54	56,8
17	Tân Hiệp	120	9	84	70	120	0	40	33,3
Tổng cộng		1.935	178	1.352	69,9	1.935	43	1.032	53,3

Phụ lục 15:

CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN TẠI CÁC TRẠM Y TẾ

- Khám, điều trị phụ khoa; khám thai

Số TT	Tên xã	Lượt người khám phụ khoa				Điều trị phụ khoa				Lượt người khám thai			
		Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỉ lệ (%)	Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỉ lệ (%)	Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỉ lệ (%)
1	Khoa CSSKSS-DSKHHGD (TT Trà Cú)	1.004	92	593	59,1	445	79	450	101,1	467	70	450	96,4
2	TT Định An	256	23	159	62,1	104	8	58	55,8	126	7	68	54
3	An Quảng Hữu	748	86	410	54,8	306	30	118	38,6	325	26	216	66,5
4	Hàm Giang	492	45	283	57,5	201	15	89	44,3	294	25	122	41,5
5	Hàm Tân	401	53	353	88	164	12	90	54,9	257	22	157	61,1
6	Kim Sơn	571	53	406	71,1	234	24	186	79,5	322	14	139	43,2
7	Long Hiệp	614	62	429	69,9	262	41	220	84	375	30	219	58,4
8	Lưu Nghiệp Anh	776	83	353	45,5	315	41	186	59	361	42	229	63,4
9	Ngãi Xuyên	599	33	367	61,3	245	10	160	65,3	311	24	177	56,9
10	Ngọc Biên	636	53	452	71,1	260	20	163	62,7	370	22	213	57,6
11	Phước Hưng	1.181	146	857	72,6	473	82	425	89,9	731	42	327	44,7
12	Thanh Sơn	498	51	330	66,3	202	31	137	67,8	283	18	173	61,1
13	Tân Hiệp	830	101	798	96,1	331	31	223	67,4	333	34	246	73,9
14	Tân Sơn	604	41	287	47,5	241	15	120	49,8	321	26	192	59,8
15	Tập Sơn	800	125	497	62,1	317	46	170	53,6	469	41	353	75,3
16	Đại An	712	79	498	69,9	291	39	215	73,9	390	42	232	59,5
17	Định An	278	22	190	68,3	109	17	107	98,2	155	22	124	80
	Tổng cộng	11.000	1.148	7.262	66	4.500	541	3.117	69,3	5.890	507	3.637	61,7

- Số trẻ sanh trong kỳ báo cáo

Số TT	Tên xã	Số phụ nữ đẻ				Số trẻ đẻ ra sống				Tỷ lệ PN đẻ KT 4 lần trong 3 thời kỳ (%)			
		Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỉ lệ (%)	Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỉ lệ (%)	Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỉ lệ
1	Khoa CSSKSS-DSKHHGD (TT Trà Cú)	89	3	44	49,4	89	3	44	49,4	82	100	100	122
2	TT Định An	53	2	33	62,3	53	2	33	62,3	82	100	100	122
3	An Quảng Hữu	153	6	73	47,7	153	6	75	49	82	100	84,6	103,2
4	Hàm Giang	125	9	74	59,2	125	9	74	59,2	82	100	100	122
5	Hàm Tân	125	2	52	41,6	125	2	52	41,6	82	100	98,1	119,6
6	Kim Sơn	130	3	64	49,2	130	3	64	49,2	82	100	100	122
7	Long Hiệp	105	4	71	67,6	105	4	72	68,6	82	100	100	122
8	Lưu Nghiệp Anh	172	1	45	26,2	172	1	45	26,2	82	100	100	122
9	Ngãi Xuyên	140	7	80	57,1	140	7	82	58,6	82	100	100	122
10	Ngọc Biên	131	7	75	57,3	131	7	75	57,3	82	100	100	122
11	Phước Hưng	215	12	117	54,4	215	12	118	54,9	82	100	100	122
12	Thanh Sơn	113	7	60	53,1	113	7	60	53,1	82	100	100	122
13	Tân Hiệp	136	12	93	68,4	136	12	92	67,6	82	100	100	122
14	Tân Sơn	109	8	45	41,3	109	8	45	41,3	82	100	100	122
15	Tập Sơn	140	9	52	37,1	140	9	52	37,1	82	100	100	122
16	Đại An	163	8	65	39,9	163	8	65	39,9	82	80	85,4	104,1
17	Định An	57	4	27	47,4	57	4	27	47,4	82	100	100	122
	Tổng cộng	2.156	104	1.070	49,6	2.156	104	1.075	49,9	82	98,8	97,9	119,4

- Tỷ lệ PN để quản lý thai, tỷ lệ BM trẻ sơ sinh chăm sóc 42 ngày sau sinh, tỷ lệ BM trẻ sơ sinh chăm sóc tuần đầu sau sinh:

Số TT	Tên xã	Tỷ lệ BM trẻ SS chăm sóc 42 ngày sau sinh (%)				Tỷ lệ BM trẻ SS chăm sóc tuần đầu sau sinh (%)			
		Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỉ lệ	Kế hoạch	Tháng 7	Cộng dồn	Tỉ lệ
1	Khoa CSSKSS-DSKHHGD (TT Trà Cú)	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
2	TT Định An	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
3	An Quảng Hữu	95	100	93,2	98,1	88	100	93,2	105,9
4	Hàm Giang	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
5	Hàm Tân	95	100	98,1	103,3	88	100	100	113,6
6	Kim Sơn	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
7	Long Hiệp	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
8	Lưu Nghiệp Anh	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
9	Ngãi Xuyên	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
10	Ngọc Biên	95	100	100	105,3	88	100	98,3	111,7
11	Phước Hưng	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
12	Thanh Sơn	95	100	100	105,3	88	100	98	111,4
13	Tân Hiệp	95	100	98,9	104,1	88	100	98,9	112,4
14	Tân Sơn	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
15	Tập Sơn	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
16	Đại An	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
17	Định An	95	100	100	105,3	88	100	100	113,6
	Tổng cộng	95	100	99,2	104,4	88	100	99,1	112,6

Phụ lục 16:**CUNG ỨNG THUỐC**

Số TT	Nội dung	Tổng số tiền (VNĐ)
I	Tổng số tiền mua thuốc, vắc xin trong tháng.	2.277.636.476
1	- Thuốc tân dược	1.771.252.976
1.1	+ Thuốc nội	1.117.355.070
1.2	+ Thuốc ngoại	653.897.906
2	- Vắc xin tiêm ngừa dịch vụ	
3	- Vị thuốc cổ truyền	22.917.300
4	- Thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	464.818.200
5	- Máu, chế phẩm máu	18.648.000
II	Tổng tiền thuốc cấp cho trạm y tế (đồng)	232.889.158
1	- Thuốc tân dược	177.760.818
2	- Thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	55.128.340
III	Tổng tiền thuốc sử dụng tại Bệnh viện (đồng)	1.509.825.603
1	- Kháng sinh	374.799.690
2	- Vitamin	42.374.069
3	- Dịch truyền	21.113.838
4	- Corticoid	24.566.312
5	- Giảm đau	163.278.610
6	- Huyết áp	74.384.971
7	- Thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	282.420.807
8	- Vị thuốc cổ truyền	11.798.977
9	- Vắc xin tiêm ngừa dịch vụ	15.689.060
10	- Máu, chế phẩm máu	21.312.000
11	- Khác	478.087.269
IV	- Xuất kiểm nghiệm	261.450
V	- Chia thuốc cho BV và TTYT	1.250.000